

Số: 123/BVĐK-VTTBYT
Về việc mời báo giá vật tư y tế

Ninh Bình, ngày 13 tháng 01 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty sản xuất, kinh doanh vật tư y tế

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua các vật tư y tế chuyên ngành chấn thương chỉnh hình với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bộ phận văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình. (Nếu có các vấn đề cần làm rõ, đề nghị liên hệ bà Nguyễn Kim Thủy, SĐT 0943.471.606 để được giải đáp)
- Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp hoặc qua chuyển phát nhanh tại Bộ phận văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

- Nhận bản giấy:

Các đơn vị gửi trực tiếp bản giấy báo giá hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát về địa chỉ sau đây (ghi trên bao bì báo giá):

Bộ phận Văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; Điện thoại: 02293 871 030.

- Nhận bản scan màu qua email: vtytbvdknb@gmail.com.

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 17h ngày 23/01/2025.

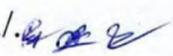
Thời điểm tiếp nhận báo giá được tính là thời điểm nhận báo giá bản giấy hoặc thời điểm nhận bản scan qua email (*thời điểm báo có thư đến*) tùy thời điểm nào đến trước.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 180 ngày**, kể từ thời điểm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục này.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư (có phụ lục kèm theo)
- Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp:

- Địa điểm cung cấp: Kho Vật tư tiêu hao – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình
- Yêu cầu về vận chuyển, cung cấp: Vận chuyển, bốc xếp, bàn giao tại Kho Vật tư tiêu hao – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình
- 3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày đặt hàng.
- 4. Dự kiến các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: Không
 - Phương thức thanh toán: bằng chuyển khoản. Thời gian thanh toán: 30 ngày kể từ ngày hoàn thành hồ sơ thanh toán.
- 5. Các thông tin khác
 - Tình trạng hàng hóa: mới 100%.
 - Mẫu báo giá: Theo mẫu báo giá kèm theo công văn này. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Phòng CTXH (để đăng tải)
- Lưu: VT, TCKT, VT-TBYT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Tuyên

(Kèm theo Yêu cầu báo giá báo giá số

Mẫu báo giá
/BVĐK-VTTBYT ngày /01/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

Công ty...
Địa chỉ...
Điện thoại...
Email...

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu	Hãng, nước Sản xuất	Thông số kỹ thuật	Mã HS	Năm SX	Xuất xứ	Số lưu hành	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
1												
2												
...												
Tổng số: ... mặt hàng												

Giá trên đã bao gồm phí, thuế và vận chuyển bốc xếp tại kho

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh nghiệp hoặc Giấy cứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày.....tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu báo giá

(Kèm theo Yêu cầu báo giá báo giá số 123/BVĐK-VTTBYT ngày 13/01/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

Công ty...
Địa chỉ...
Điện thoại...
Email...

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu	Hãng, nước Sản xuất	Thông số kỹ thuật	Mã HS	Năm SX	Xuất xứ	Số lưu hành	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
1												
2												
...												
Tổng số: ... mặt hàng												

Giá trên đã bao gồm phí, thuế và vận chuyển bốc xếp tại kho

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày.....tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục
DANH SÁCH CÁC MẶT HÀNG MỜI BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số 123/BVĐK-VTTBYT ngày 13 / 01/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Số lượng dự kiến mua sắm
1	Khớp gối toàn phần có xi măng	cái	- Thành phần tối thiểu bao gồm: + Lõi cầu xương đùi; + Mâm chày; + Đệm mâm chày; + Xương bánh chè; + Xi măng sinh học; - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	12
2	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài	Bộ	1. Cuống khớp loại dài: Chất liệu hợp kim titanium, phủ HA toàn bộ chuỗi. Có các cỡ với chiều dài từ 190 đến 340mm cho chân trái và chân phải riêng biệt. 2. Ổ cối bán phần (Vỏ đầu chòm + lót đầu chòm): + Vỏ đầu chòm chất liệu thép không gỉ + Lót đầu chòm Vật liệu: Polyetylene cao phân tử (UHMWPE) 3. Chòm khớp: có tối thiểu 2 loại đường kính khác nhau Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Nhóm các nước G7	70
3	Khớp háng bán phần không xi măng	Bộ	1. Cuống khớp không xi măng: Chất liệu hợp kim titanium, phủ HA (hydroxyl apatite), có thể phủ thêm lớp Titanium. Góc cổ thân ≥ 132 độ, chiều dài cổ đủ các cỡ từ 40 đến 44mm, các cỡ chênh nhau 1mm. Trên chuỗi có các rãnh. 2. Ổ cối bán phần (Vỏ đầu chòm + lót đầu chòm): + Vỏ đầu chòm chất liệu thép không gỉ, có nhiều cỡ khác nhau (mỗi bước cách nhau 1mm) + Lót đầu chòm Vật liệu : Polyetylene cao phân tử (UHMWPE) 3. Chòm khớp: có tối thiểu hai loại đường kính, mỗi loại đường kính chòm dùng với vỏ chòm kích thước khác nhau Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Nhóm các nước G7	60

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Số lượng dự kiến mua sắm
4	Khớp háng toàn phần không xi măng hai trục linh động	BỘ	<p>1. Cuồng khớp không xi măng: Chất liệu hợp kim titanium, phủ HA (hydroxyl apatite), có thể phủ thêm lớp Titanium. Góc cổ thân ≥ 132 độ, chiều dài cổ từ 40 đến 44mm, các cỡ chênh nhau 1mm. Trên chuôi có các rãnh.</p> <p>2. Ổ cối không xi măng: Ổ cối không xi măng, phủ HA (hydroxyl apatite), có thể phủ thêm lớp Titanium. Trên ổ cối có xẻ rãnh. Có đường kính có đủ các cỡ: từ 48 đến 58mm, mỗi cỡ chênh nhau 2mm.</p> <p>3. Lót ổ cối: Chất liệu PE tương thích với đường kích chòm, phù hợp với từng kích cỡ ổ cối khác nhau.</p> <p>4. Chòm khớp: đường kính chòm ≥ 28mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485</p>	Nhóm các nước G7	60
5	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng loại chòm thép không gỉ	BỘ	<p>1. Cuồng khớp không xi măng: Chất liệu hợp kim titanium, phủ HA (hydroxyl apatite), có thể phủ thêm lớp Titanium. Góc cổ thân ≥ 132 độ, chiều dài cổ đủ các cỡ từ 40 đến 44mm, các cỡ chênh nhau 1mm. Trên chuôi có các rãnh. Các cỡ tương ứng với các chiều dài khác nhau. Offset các cỡ.</p> <p>2. Ổ cối không xi măng: Vật liệu hợp kim titanium, phủ HA (hydroxyl apatite). Có các đủ các cỡ đường kính khác nhau: từ 44 mm đến 60mm, có ≥ 3 lỗ để bắt vít. Mỗi kích thước ổ cối khác nhau phù hợp với kích cỡ lót ổ cối khác nhau.</p> <p>3. Lót ổ cối: Chất liệu UHMWPE, có bề chống trượt.</p> <p>4. Vít ổ cối: Chất liệu hợp kim titanium đường kính 5.0 hoặc 6.5mm dài đủ các cỡ từ 20 mm đến 35 mm, bước nhảy ≤ 5mm</p> <p>5. Chòm khớp: Đường kính ≥ 28 mm, chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO13485</p>	Nhóm các nước G7	40

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Số lượng dự kiến mua sắm
6	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chòm khớp Ceramic		<p>1. Cuống khớp không xi măng: Chất liệu hợp kim titanium, phủ HA (hydroxyl apatite), có thể phủ thêm lớp Titanium. Góc ổ thân ≥ 132 độ, chiều dài cổ đủ các cỡ từ 40 đến 44mm, bước tăng ≤ 1mm. Trên chuôi có các rãnh. Các cỡ tương ứng với các chiều dài khác nhau. Offset các cỡ</p> <p>2. Ổ cối không xi măng: Vật liệu hợp kim Titanium, phủ HA (hydroxyl apatite). Có đường kính đủ các cỡ từ: 44 - 60mm (bước tăng ≤ 2mm), có ≥ 3 lỗ để bắt vít.</p> <p>3. Lót ổ cối: Chất liệu Polyethylene có bề chống trượt .</p> <p>4. Vít ổ cối: Chất liệu hợp kim titanium đường kính 5.0 hoặc 6.5mm dài đủ các cỡ từ 20 đến 35mm, các cỡ chênh nhau ≤ 5mm</p> <p>5. Chòm khớp: chất liệu CERAMIC. Đạt tiêu chuẩn ISO13485</p>	Nhóm các nước G7	30
7	Vật tư dùng trong phẫu thuật nội soi khớp				
7.1	Lưới bảo khớp đường kính các cỡ	Cái	Lưới bảo khớp: đóng gói tiệt trùng, dùng 1 lần. Đường kính lưới bảo các cỡ. Chiều dài làm việc ≥ 128 mm Đạt tiêu chuẩn ISO13485		100
7.2	Lưới cắt đốt bằng sóng radio các cỡ	Cái	Loại lưới đầu cắt có góc nghiêng T, $75^\circ \leq T \leq 90^\circ$. Đường kính trong khoảng 3,5mm đến 4,5mm. Chiều dài trong khoảng từ 135mm đến 220mm Đầu cắt thiết kế lưỡng cực Công nghệ plasma nhiệt độ thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		100

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Số lượng dự kiến mua sắm
7.3	Vít treo cổ định dây chằng chéo điều chỉnh chiều dài	Cái	Vít treo điều chỉnh chiều dài cấu tạo gồm 3 phần: - Vòng chỉ điều chỉnh chiều dài chất liệu cao phân tử UHMWPE - Chi kéo và chi lật chất liệu UHMWPE - Tầm titanium: Chất liệu hợp kim titanium có ≥ 4 lỗ, chiều cao ≤ 1.5 mm, dài ≥ 12 mm, rộng ≤ 4 mm. Khả năng chịu tải kéo cao: ≥ 1400 N. Có thể điều chỉnh chiều dài từ 15mm đến ≥ 70 mm Đạt tiêu chuẩn ISO13485		100
7.4	Dây dẫn nước cho máy bơm nước	Cái	Dây dẫn nước dùng một lần, có hai đầu nước vào ra riêng biệt. Đạt tiêu chuẩn ISO13485.		100
7.5	Lưỡi mài xương trong nội soi khớp	cái	Lưỡi mài xương một lần, hình (Đầu mài hình Oval) đường kính D các cỡ, 4.0mm $\leq D \leq 6.5$ mm, chiều dài làm việc ≥ 128 mm, chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn ISO13485		20
7.6	Vít chỉ neo đôi khâu chóp xoay	Cái	Chất liệu Titan. Ren toàn phần. Đường kính D, $4.5\text{mm} \leq D \leq 6.5\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO13485.		20
7.7	Vít chỉ neo đơn khâu sụn viền	Cái	Chất liệu Titan. Ren toàn phần. Đường kính 2.5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		20
7.8	Chỉ siêu bền	sợi	Chỉ được làm từ vật liệu cao phân tử (UHMWPE). Có kim liền chỉ Chỉ cỡ số 2, chỉ thẳng có 1 hoặc 2 kim ở hai đầu, chiều dài chỉ ≥ 900 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485.		100

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Số lượng dự kiến mua sắm
7.9	Mũi khoan ngược	Cái	Mũi khoan ngược có chức năng khoan ngược lại, cung cấp hướng dẫn đo chiều dài của đường hầm xương và chức năng khoan. - Có nút trên tay cầm để điều chỉnh đầu mũi khoan và có thể mở hoặc đóng. - Đường kính đủ các cỡ từ 7-10mm (bước tăng ≤ 1 mm) - Chiều dài trục: ≥ 250 mm Đạt tiêu chuẩn ISO13485		50
8	Nẹp vít chấn thương chất liệu thép không gỉ				
8.1	Nẹp khóa đầu trên xương đùi	Cái	Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138. Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. Số lỗ trên thân nẹp các loại: tối thiểu có đủ các loại 3, 5, 7 lỗ trái/ phải - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	20
8.2	Nẹp DCP bản hẹp các cỡ, vít 4.5/6.5mm	Cái	- Số lỗ trên thân nẹp tối thiểu đủ các số chẵn từ 6 đến 14 lỗ - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138. Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa.	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	20
8.3	Nẹp khóa bản hẹp (thân xương chày) các cỡ, dùng vít 5.0mm	Cái	- Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138. - Nẹp dày ≥ 4.0 mm; rộng ≥ 13.5 mm - Số lỗ trên thân nẹp: 6 đến 14 lỗ - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	40
8.4	Nẹp khóa mắt xích (tái tạo) các cỡ, dùng vít khóa 3.5mm	Cái	- Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138. - Số lỗ trên thân nẹp tối thiểu đủ các số chẵn từ 4 đến 12 lỗ - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất, cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	100

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Số lượng dự kiến mua sắm
8.5	Nẹp khóa đầu dưới xương quay cổ tay trái / phải các cỡ, dùng vít khóa 2.7 và 3.5mm	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138. - Nẹp dày $\leq 2.0\text{mm}$ - Số lỗ trên thân nẹp có đủ tối thiểu các loại 3, 5, 7 lỗ trái / phải - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất, Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC; 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	12
8.6	Nẹp khóa bản rộng các cỡ dùng vít khóa 5.0mm	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138. - Nẹp dày $\geq 5.0\text{mm}$ - Số lỗ trên thân nẹp đủ các số chẵn từ 6 đến 14 lỗ - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất, Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC; 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	20
8.7	Nẹp khóa chữ T các cỡ, dùng vít khóa 5.0mm	cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 - Nẹp dày: $\geq 2.5\text{mm}$. - Số lỗ trên thân nẹp: đủ các số chẵn từ 4 đến 8 lỗ - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất, Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	20
8.8	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ, dùng vít khóa 3.5mm	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 - Nẹp dày $\geq 3.0\text{mm}$; - Số lỗ trên thân nẹp: đủ các số từ 3 đến 8 lỗ - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất, Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	25

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Số lượng dự kiến mua sắm
8.9	Nẹp khóa xương đòn trái, phải các cỡ, dùng vít khóa 3.5mm.	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 - Nẹp dày $\geq 3.0\text{mm}$ - Số lỗ bắt vít trên thân nẹp: đủ các số từ 6 đến 9 lỗ, có loại trái, phải - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất, Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC. 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	70
8.10	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi trái, phải các cỡ, dùng vít khóa 5.0mm.	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138. - Nẹp dày $\geq 3.2\text{mm}$ - Số lỗ trên thân nẹp: 5 đến 13 lỗ trái/ phải - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất, Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC. 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	15
8.11	Nẹp khóa đầu dưới xương chày, mặt trong trái, phải các cỡ, dùng vít khóa 3.5mm	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138. - Nẹp dày $\leq 3.0\text{mm}$; khoảng cách lỗ nẹp $\geq 12\text{mm}$; - Số lỗ bắt vít trên thân nẹp: đủ các số chẵn từ 6 đến 14 lỗ trái/ phải - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất, Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	20
8.12	Nẹp khóa đầu trên xương chày trái, phải các cỡ, dùng vít khóa 5.0	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 - Nẹp dày $\geq 3.2\text{mm}$ - Số lỗ bắt vít trên thân nẹp: đủ các số lẻ từ 5 đến 13 lỗ trái/ phải - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất, Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	30

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Số lượng dự kiến mua sắm
8.13	Nẹp mắt xích thẳng(tái tạo) các cỡ, vít 3.5mm	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 - Nẹp dày $\geq 2.2\text{mm}$ - Số lỗ bắt vít trên thân nẹp: đủ các số từ 4 đến 10 lỗ - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất, Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	100
8.14	Vít khóa tự taro đường kính 5.0mm	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 - Kiểu vít tự taro; - Đường kính ren 5.0mm - Chiều dài đủ các cỡ từ 16mm đến 50mm; mỗi cỡ tăng 2mm- 5mm tùy chiều dài vít - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	800
8.15	Vít khóa tự taro đường kính 3.5mm	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 Kiểu vít tự taro - Đường kính ren 3.5mm; mũ vít lục giác - Chiều dài từ đủ các cỡ từ 16mm đến 50mm; mỗi cỡ tăng 2mm- 5mm tùy chiều dài vít - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC. 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	1,000
8.16	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 - Đường kính ren 3.5mm; mũ vít lục giác - Chiều dài từ 16-50mm, (bước tăng $\leq 2\text{mm}$). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	1,500
8.17	Vít xương cứng $\Phi 4.5\text{mm}$ các cỡ	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 - Đường kính ren 4.5mm; mũ vít lục giác - Chiều dài: đủ các cỡ từ 20mm đến 60mm, mỗi bước tăng 2-5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	800

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Số lượng dự kiến mua sắm
8.18	Vít xương xóp đường kính 4.0mm	Cái	- Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 - Đường kính ren 4.0mm; mũ vít lục giác - Chiều dài: đủ các cỡ từ 20mm đến 60mm, mỗi bước tăng 2-5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	130
8.19	Vít xương xóp đường kính 6.5mm	Cái	- Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 - Đường kính ren 6.5mm; ren ngắn: ≤ 32 mm; mũ vít lục giác - Chiều dài từ 50-105mm; mỗi cỡ tăng 5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	60
9	Đinh Kirschner 2 đầu nhọn các loại các cỡ	Cái	- Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 - Đinh 2 đầu nhọn, đường kính các cỡ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	350
10	Khung cố định ngoại vi Fessa	Cái	Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		12
11	Đinh Schanz có ren	Cái	Dùng với khung Fessa. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		72
12	Bộ nẹp vít DHS				
12.1	Nẹp DHS 135 ⁰ các cỡ	Cái	Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138. - Nẹp dày ≥ 6 mm; rộng ≥ 19 mm; khoảng cách lỗ nẹp ≤ 16 mm - Số lỗ trên thân nẹp tối thiểu đủ các số chẵn từ 4 đến 12 lỗ - Đồng bộ với vít DHS và vít nén DHS cùng hãng sản xuất - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	20
12.2	Vít DHS /DCS các cỡ		- Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 - Đường kính ren ≥ 12.5 mm - Chiều dài đủ các cỡ từ 80mm đến 90mm; mỗi cỡ tăng 5mm, đồng bộ với nẹp DHS và vít nén DHS. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	20

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Số lượng dự kiến mua sắm
12.3	Vít nén DHS/ DCS		- Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 Đồng bộ với nẹp DHS và vít DHS - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và EC	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	20
13	Nẹp vít chấn thương chất liệu Titan				
13.1	Nẹp khóa bản hẹp	cái	- Nẹp khóa bản hẹp, Chất liệu hợp kim Titanium. - Số lỗ trên thân nẹp tối thiểu đủ các số chẵn từ 6 đến 14 lỗ. Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường, tương thích vít khóa đường kính 5.0mm và vít xương cứng đường kính 4.5mm. - Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		20
13.2	Nẹp khoá mắt xích thẳng	cái	Nẹp khóa mắt xích thẳng. Chất liệu hợp kim Titanium. - Số lỗ trên thân nẹp tối thiểu đủ các số chẵn từ 6 đến 10 lỗ, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường. Tương thích với vít khoá đường kính 3.5mm và vít xương cứng đường kính 3.5mm. Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		50
13.3	Nẹp khóa bản rộng các cỡ, chất liệu hợp kim Titanium	cái	- Nẹp khóa bản rộng được làm từ chất liệu hợp kim Titanium. - Nẹp dày $\geq 5.2\text{mm}$ - Số lỗ bắt vít trên thân nẹp đủ các số chẵn từ 10 đến 16 lỗ, kết hợp vít khóa 5.0mm và vít thường 4.5mm giúp linh hoạt cho việc lựa chọn vít. Trên nẹp có thêm lỗ nhỏ cho đinh kisner để cố định nẹp. Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		20

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Số lượng dự kiến mua sắm
13.4	Nẹp khóa xương đòn các cỡ chất liệu Titanium	cái	Nẹp khóa thân xương đòn chữ S phân biệt trái, phải được làm từ chất liệu hợp kim Titanium. - Độ dày ≥ 2.5 mm - Số lỗ bắt vít trên thân nẹp: đủ các cỡ từ 6 đến 8 lỗ - Kết hợp vít khóa 3.5mm, vít khóa xương xấp 3.5mm và vít thường 3.5mm. Trên nẹp có thêm lỗ nhỏ cho đinh kisner để cố định nẹp. - Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		30
13.5	Vít khóa đường kính 5.0	cái	Vít khóa đường kính 5.0mm. Chất liệu hợp kim Titanium Độ dài vít: đủ các cỡ từ 20mm đến 90mm. (bước tăng ≤ 5 mm) Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		200
13.6	Vít khóa đường kính 3.5 mm	cái	- Vít khóa đường kính 3.5mm. Chất liệu hợp kim Titanium. - Chiều dài vít: đủ các cỡ từ 16mm đến 50mm (bước tăng ≤ 2 mm). - Có kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		290
13.7	Vít xương cứng đường kính 3.5 mm	cái	- Vít xương cứng đường kính 3.5 mm. Chất liệu hợp kim Titanium. - Chiều dài: đủ các cỡ từ 16mm đến 50mm, mỗi bước tăng 2-5mm - Có kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		300
13.8	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	cái	Vít xương cứng đường kính 4.5mm. Chất liệu hợp kim Titanium. - Chiều dài: đủ các cỡ từ 20mm đến 60mm, mỗi bước tăng 2-5mm - Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		200
14	Bộ đinh nội tuỷ xương đùi, xương chày				

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Số lượng dự kiến mua sắm
14.1	Đinh nội tủy xương đùi, xương chày	Cái	Đủ loại đinh nội tủy xương đùi, xương chày, Yêu cầu đồng bộ đinh nội tủy, vít chốt. chất liệu thép không gỉ, các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Nhóm các nước G7	60
14.2	Vít chốt đinh nội tủy xương chày, xương đùi các cỡ	Cái	Vít tự ta rô. Yêu cầu đồng bộ đinh nội tủy, vít chốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Nhóm các nước G7	150
15	Bộ đinh nội tủy đầu trên xương đùi chống xoay				
15.1	Đinh nội tủy rỗng nòng đầu trên xương đùi chống xoay, Vật liệu Titan	Cái	Đinh nội tủy đầu trên xương đùi chống xoay: Chất liệu hợp kim Titanium, đường kính đầu đinh 16.5mm. Đinh gồm 2 loại Đinh ngắn: Đường kính các cỡ, Chiều dài đinh nhiều cỡ, trong đó tối thiểu có các cỡ 170mm, 240mm. Đinh dài: có trái/phải riêng biệt, đường kính các cỡ, Chiều dài đinh đủ các cỡ từ 320-440mm, bước tăng ≤ 20 mm. Yêu cầu đồng bộ Đinh nội tủy, vít chốt. Cung cấp trợ cụ để lắp đặt đinh đến khi tháo đinh. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		40
15.2	Vít chốt cổ xương đùi dạng đóng kiểu chống xoay	Cái	- Vật liệu hợp kim Titanium - Đường kính thân: ≥ 10 mm, độ dài: đủ các cỡ từ 70 - 120mm, mỗi bước tăng ≤ 5 mm. tiêu chuẩn ISO 13485		40
15.3	Vít chốt khóa đường kính 4.5-5.0mm dùng với đinh nội tủy rỗng nòng	Cái	- Chất liệu hợp kim Titanium. Gồm 2 loại đường kính: 4.5mm và 5.0mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		40
15.4	Vít nắp đinh	Cái	- Chất liệu hợp kim Titanium sử dụng với đinh chống xoay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		40

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Số lượng dự kiến mua sắm
16	Xương nhân tạo dạng hạt	Bơm	Thành phần gồm Biphasic Calcium Phosphate, kích thước độ xốp trung bình trong khoảng từ 300-600 Micromét. Dung tích ≥ 10 cc. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Nhóm các nước G7	10
17	Xương nhân tạo dẻo	Bơm	- Chất liệu: vật liệu thủy tinh hoạt tính - Công dụng: tạo ra sự phát triển của xương và kích thích tế bào gốc Dung tích ≥ 5 cc trong Xi lanh. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Nhóm các nước G7	10

Tổng số: 17 hạng mục, 53 mặt hàng